

**UBND HUYỆN BÁ THƯỚC
HĐ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
GIÁO DỤC NĂM 2023**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51 /BC-HĐXT

Bá Thước, ngày 25 tháng 9 năm 2023

**BÁO CÁO
Kết quả xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo
huyện Bá Thước năm 2023**

Kính gửi: Chủ tịch UBND huyện Bá Thước

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức; thi nâng ngạch công chức; thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức; thi nâng ngạch công chức; thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh quản lý;

Căn cứ Công văn số 10498/UBND-THKH ngày 21/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa V/v chấp thuận Kế hoạch tuyển dụng giáo viên tiểu học huyện Bá Thước năm 2023.

Căn cứ Công văn số 856-CV/HU ngày 26/6/2023 của Thường trực Huyện ủy Bá Thước V/v đồng ý chủ trương tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023;

Căn cứ kết quả điểm phỏng vấn của Ban kiểm tra sát hạch viên chức giáo dục huyện Bá Thước;

Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục huyện Bá Thước báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện kết quả xét tuyển như sau:

1. Chỉ tiêu tuyển dụng được UBND tỉnh Thanh Hóa chấp thuận: 18 vị trí, trong đó:

- Giáo viên Tiểu học hạng III (V.07.03.29): 18 người, gồm:
- + Giáo viên Văn hóa: 11 người.
- + Giáo viên Tiếng anh: 02 người.

- + Giáo viên Tin học: 04 người.
- + Giáo viên Âm nhạc: 01 người.

2. Kết quả nộp hồ sơ dự tuyển

Tổng số thí sinh nộp hồ sơ : 36 hồ sơ

- Giáo viên Tiểu học: 36 hồ sơ. Cụ thể:
 - + Giáo viên Văn hóa: 30 hồ sơ.
 - + Giáo viên Tiếng Anh: 04 hồ sơ.
 - + Giáo viên Tin học: 01 hồ sơ.
 - + Giáo viên Âm nhạc: 01 hồ sơ.

3. Kết quả xét hồ sơ (vòng 1)

3.1 Số hồ sơ đủ điều kiện dự tuyển vòng 2: 35 hồ sơ, trong đó

- Giáo viên Tiểu học: 35 hồ sơ. Cụ thể:
 - + Giáo viên Văn hóa: 30 hồ sơ.
 - + Giáo viên Tiếng Anh: 04 hồ sơ.
 - + Giáo viên Âm nhạc: 01 hồ sơ.

3.2 Số hồ sơ không đủ điều kiện dự tuyển vòng 2: 01 hồ sơ.

3. Kiểm tra sát hạch (phỏng vấn) vòng 2

Tổng số thí sinh tham gia phỏng vấn: 34 người. Bỏ thi: 01 người.

Cụ thể:

3.1. Vị trí Giáo viên Văn hóa Tiểu học:

Tổng số thí sinh tham gia phỏng vấn: 29 người. Bỏ thi: 01 người;

3.2. Vị trí Giáo viên tiếng Anh tiểu học:

Tổng số thí sinh tham gia phỏng vấn: 04 người. Bỏ thi: 0 người.

3.3. Vị trí Giáo viên Âm Nhạc:

Tổng số thí sinh tham gia phỏng vấn: 01 người, Bỏ thi: 0 người.

(Có danh sách kèm theo)

4. Kết quả dự kiến trúng tuyển

Số thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển là: **14 người** (có danh sách kèm theo),
cụ thể theo từng vị trí việc làm như sau:

- Vị trí Giáo viên Văn hóa tiểu học : 11 người.
- Vị trí Giáo viên Tiếng anh tiểu học : 02 người.

- Vị trí Giáo viên Âm Nhạc tiểu học : 01 người.

Trên đây là kết quả xét tuyển viên chức giáo dục huyện Bá Thước năm 2023. Hội đồng xét tuyển báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bá Thước xem xét công nhận kết quả xét tuyển./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Sở Nội vụ (để b/c);
- Thường trực Huyện ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Hội đồng xét tuyển;
- Lưu: VT, HĐXT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Lò Văn Thắng**



UBND HUYỆN BÁ THƯỚC
HĐTD VIÊN CHỨC NĂM 2023

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC HUYỆN BÁ THƯỚC
PHÒNG PHÒNG VẤN SỐ 01

Vị trí: giáo viên Văn hóa Tiểu học

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Điểm chữ
1	VH001	Bùi Mai Anh	18/01/2000	Nữ	Mường	xã Điền Trung, huyện Bá Thước	85,0	5,0	90,0	Chín mươi phẩy không
2	VH002	Lương Thị Kim Chi	27/5/2001	Nữ	Thái	xã Phú Sơn, huyện Quan Hóa	65,0	5,0	70,0	Bảy mươi phẩy không
3	VH003	Hà Huyền Diệu	09/02/2001	Nữ	Thái	xã Lũng Cao, huyện Bá Thước	57,0	5,0	62,0	Sáu mươi hai phẩy không
4	VH004	Hà Thị Hạnh	04/02/2001	Nữ	Thái	xã Thành Lâm, huyện Bá Thước	73,0	5,0	78,0	Bảy mươi tám phẩy không
5	VH005	Lê Thị Thu Hoài	23/12/2000	Nữ	Kinh	thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước	61,0	0,0	61,0	Sáu mươi một phẩy không
6	VH006	Trương Thị Huế	11/3/2001	Nữ	Mường	xã Lương Trung, huyện Bá Thước	45,0	5,0	50,0	Năm mươi phẩy không

7	VH007	Hà Thị Mai Huyền	13/10/2001	Nữ	Thái	xã Lũng Cao, huyện Bá Thước	77,0	5,0	82,0	Tám mươi hai phẩy không
8	VH008	Mai Trần Huyền	22/8/2000	Nữ	Mường	xã Thành Lâm, huyện Bá Thước	71,0	5,0	76,0	Bảy mươi sáu phẩy không
9	VH009	Nguyễn Đình Hưng	22/02/1996	Nam	Mường	xã Lương Trung, huyện Bá Thước	61,0	5,0	66,0	Sáu mươi sáu phẩy không
10	VH010	Bùi Thị Hương	06/12/1990	Nữ	Mường	xã Lương Trung, huyện Bá Thước			0,0	Bỏ thi
11	VH011	Cao Thị Thu Hương	31/01/2001	Nữ	Mường	xã Điền Thượng, huyện Bá Thước	75,0	5,0	80,0	Tám mươi phẩy không
12	VH012	Hà Thị Hằng Hương	15/4/1996	Nữ	Thái	xã Kỳ Tân, huyện Bá Thước	41,0	5,0	46,0	Bốn mươi sáu phẩy không
13	VH013	Bùi Thị Linh	23/4/2001	Nữ	Mường	thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước	73,0	5,0	78,0	Bảy mươi tám phẩy không
14	VH014	Hà Dạ Linh	03/12/2001	Nữ	Mường	xã Điền Hạ, huyện Bá Thước	65,0	5,0	70,0	Bảy mươi phẩy không
15	VH015	Nguyễn Thị Trà My	02/10/2001	Nữ	Kinh	xã Điền Lư, huyện Bá Thước	90,0	0,0	90,0	Chín mươi phẩy không
16	VH016	Trương Thị Ngọc	16/02/2001	Nữ	Mường	xã Lương Nội, huyện Bá Thước	61,0	5,0	66,0	Sáu mươi sáu phẩy không
17	VH017	Lục Thị Nguyệt	12/3/2001	Nữ	Mường	xã Thiết Kế, huyện Bá Thước	60,0	5,0	65,0	Sáu mươi lăm phẩy không

18	VH018	Hà Thu Phương	09/8/2001	Nữ	Mường	xã Điền Thượng, huyện Bá Thước	60,0	5,0	65,0	Sáu mươi lăm phẩy không
19	VH019	Lê Hà Phương	15/3/1998	Nữ	Kinh	xã Thiết Kế, huyện Bá Thước	71,0	0,0	71,0	Bảy mươi một phẩy không
20	VH020	My Thị Hương Quỳnh	10/8/2001	Nữ	Kinh	xã Điền Lư, huyện Bá Thước	65,0	0,0	65,0	Sáu mươi lăm phẩy không

(Danh sách này gồm có 19 người)



UBND HUYỆN BÁ THƯỚC
HĐTD VIÊN CHỨC NĂM 2023

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC HUYỆN BÁ THƯỚC
PHÒNG PHÒNG VẤN SỐ 02

Vị trí: Giáo viên văn hóa tiểu học, Âm nhạc, Tiếng Anh

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Điểm chữ
1	VH021	Vũ Thị Quỳnh	15/10/1997	Nữ	Kinh	xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc	63,0	0,0	63,0	Sáu mươi ba phẩy không
2	VH022	Phạm Công Tình	15/6/2001	Nam	Mường	xã Điền Thượng, huyện Bá Thước	40,0	5,0	45,0	Bốn mươi lăm phẩy không
3	VH023	Nguyễn Thị Phương Thảo	30/7/2001	Nữ	Kinh	xã Thiết Ống, huyện Bá Thước	54,0	0,0	54,0	Năm mươi tư phẩy không
4	VH024	Phạm Văn Thọ	05/8/2001	Nam	Mường	xã Điền Hạ, huyện Bá Thước	51,0	5,0	56,0	Năm mươi sáu phẩy không
5	VH025	Vi Khánh Thùy	07/8/1999	Nữ	Thái	xã Lũng Cao, huyện Bá Thước	63,0	5,0	68,0	Sáu mươi tám phẩy không
6	VH026	Hà Thu Thủy	28/12/2001	Nữ	Mường	xã Thiết Ống, huyện Bá Thước	81,0	5,0	86,0	Tám mươi sáu phẩy không

7	VH027	Mai Thùy Trang	18/11/2001	Nữ	Kinh	thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước	89,0	0,0	89,0	Tám mươi chín phẩy không
8	VH028	Hà Thị Kiều Trinh	05/12/2001	Nữ	Mường	xã Điền Lư, huyện Bá Thước	53,0	5,0	58,0	Năm mươi tám phẩy không
9	VH029	Đỗ Quang Trường	24/8/2000	Nam	Kinh	xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước	72,0	0,0	72,0	Bảy mươi hai phẩy không
10	VH030	Nguyễn Kỳ Uyên	01/6/2001	Nữ	Kinh	xã Điền Lư, huyện Bá Thước	64,0	0,0	64,0	Sáu mươi tư phẩy không
11	AN001	Nguyễn Thị Thúy	27/7/1993	Nữ	Mường	xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước	74,0	5,0	79,0	Bảy mươi chín phẩy không
12	TA001	Lê Thị Hằng	10/4/2001	Nữ	Kinh	xã Điền Trung, huyện Bá Thước	79,0	0,0	79,0	Bảy mươi chín phẩy không
13	TA002	Nguyễn Thị Minh	16/8/2001	Nữ	Kinh	xã Điền Trung, huyện Bá Thước	83,0	0,0	83,0	Tám mươi ba phẩy không
14	TA003	Hà Hoa Quỳnh	20/02/1995	Nữ	Mường	xã Điền Trung, huyện Bá Thước	62,0	5,0	67,0	Sáu mươi bảy phẩy không
15	TA004	Trương Huyền Trang	28/8/2001	Nữ	Mường	xã Điền Quang, huyện Bá Thước	61,0	5,0	66,0	Sáu mươi sáu phẩy không

(Danh sách này gồm có 15 người)



UBND HUYỆN BÁ THƯỚC
HĐTD VIÊN CHỨC NĂM 2023

KẾT QUẢ DỰ KIẾN TRÚNG TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC HUYỆN BÁ THƯỚC

Vị trí: Giáo viên văn hóa tiểu học, Âm nhạc, Tiếng Anh

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Điểm chữ
1.	VH001	Bùi Mai Anh	18/01/2000	Nữ	Mường	xã Diên Trung, huyện Bá Thước	85,0	5,0	90,0	Chín mươi phẩy không
2.	VH015	Nguyễn Thị Trà My	02/10/2001	Nữ	Kinh	xã Diên Lư, huyện Bá Thước	90,0	0,0	90,0	Chín mươi phẩy không
3.	VH027	Mai Thùy Trang	18/11/2001	Nữ	Kinh	thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước	89,0	0,0	89,0	Tám mươi chín phẩy không
4.	VH026	Hà Thu Thủy	28/12/2001	Nữ	Mường	xã Thiết Ống, huyện Bá Thước	81,0	5,0	86,0	Tám mươi sáu phẩy không
5.	VH007	Hà Thị Mai Huyền	13/10/2001	Nữ	Thái	xã Lũng Cao, huyện Bá Thước	77,0	5,0	82,0	Tám mươi hai phẩy không
6.	VH011	Cao Thị Thu Hương	31/01/2001	Nữ	Mường	xã Diên Thượng, huyện Bá Thước	75,0	5,0	80,0	Tám mươi phẩy không
7.	VH004	Hà Thị Hạnh	04/02/2001	Nữ	Thái	xã Thành Lâm, huyện Bá Thước	73,0	5,0	78,0	Bảy mươi tám phẩy không

8.	VH013	Bùi Thị Linh	23/4/2001	Nữ	Mường	thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước	73,0	5,0	78,0	Bảy mươi tám phẩy không
9.	VH008	Mai Trần Huyền	22/8/2000	Nữ	Mường	xã Thành Lâm, huyện Bá Thước	71,0	5,0	76,0	Bảy mươi sáu phẩy không
10.	VH029	Đỗ Quang Trường	24/8/2000	Nam	Kinh	xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước	72,0	0,0	72,0	Bảy mươi hai phẩy không
11.	VH019	Lê Hà Phương	15/3/1998	Nữ	Kinh	xã Thiết Kế, huyện Bá Thước	71,0	0,0	71,0	Bảy mươi một phẩy không
12.	AN001	Nguyễn Thị Thúy	27/7/1993	Nữ	Mường	xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước	74,0	5,0	79,0	Bảy mươi chín phẩy không
13.	TA002	Nguyễn Thị Minh	16/8/2001	Nữ	Kinh	xã Điền Trung, huyện Bá Thước	83,0	0,0	83,0	Tám mươi ba phẩy không
14.	TA001	Lê Thị Hằng	10/4/2001	Nữ	Kinh	xã Điền Trung, huyện Bá Thước	79,0	0,0	79,0	Bảy mươi chín phẩy không

(Danh sách này gồm có 14 người)

